



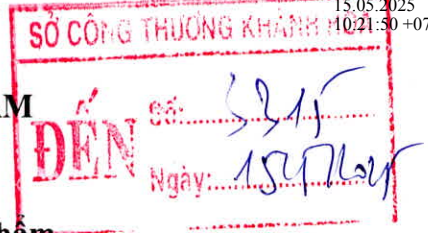
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Người ký: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Email:
sct@khanhhoa.go
v.vn
Cơ quan: ỦY
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Thời gian ký:
15/05/2025
10:21:50 +07:00

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/HKN/2025



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty CP Hoàng Kỳ Nam

Địa chỉ: 02 BÉ VĂN ĐÀN, PHƯỚC LONG, NHA TRANG, KHÁNH HÒA.

Điện thoại: 0935.628.608

www.hoangkynam.com

Mã số doanh nghiệp: 4201874277, Đăng ký lần đầu ngày 26/12/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên Sản phẩm: KẸO DẼO RONG BIỂN

2. Thành phần: Rong Biển, đường, Gelatin, Màu thực phẩm, Natri Benzoat (E211)

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói : 10gr, 15gr, 20gr, 25gr, 30gr, 50gr, 80gr, 100gr, 150gr, 200gr, 250gr, 500gr, 1000gr..

- Chất liệu bao bì: bao bì túi nylon có tráng bạc bên trong và hũ pet nắp nhôm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: CTY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TÂN DƯƠNG PHÁT

Địa chỉ: SỐ NHÀ 12, NGÕ 56, ĐƯỜNG THỐNG NHẤT, THÔN THỐNG NHẤT, XÃ DƯƠNG LIỄU, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

6. Công ty chịu trách nhiệm sản phẩm: CÔNG TY CP HOÀNG KỲ NAM

Địa chỉ: 02 BÉ VĂN ĐÀN, PHƯỚC LONG, TP.NHA TRANG, T.KHÁNH HÒA.

II. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn dự kiến sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm.
 - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.
 - Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.
 - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
 - Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
 - QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
 - QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
 - QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
 - Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
 - Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm.
 - Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về an toàn thực phẩm.
- Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Phan Duy Nguyễn



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32407.15144032 MM32407.151440321 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i> | BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 24/07/2024 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HOÀNG KỲ NAM**
Địa chỉ/ Address : **SỐ 02 BÈ VÂN ĐÀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
Tên mẫu/ Name of sample : **KẸO DẼO RONG BIỂN**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hũ nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **15/07/2024**
Ngày hẹn trả KQ/ Date of issue : **23/07/2024**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--|---|
| 1 | Cd | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*) |
| 2 | Hg | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,01 | CASE.TN.0141 (2018) (Ref. EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*) |
| 3 | Pb | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0.2 | CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*) |
| 4 | Tro không tan trong HCl | % | Không phát hiện, MDL = 0.03 | CASE.TN.0096 (2020) (Ref. TCVN 4071:2009) |
| 5 | Cảm quan | . | Trạng thái: dạng viên mềm. Màu sắc: nhiều màu. Mùi: mùi đặc trưng của sản phẩm. Vị: vị chua ngọt. | CASE.NS.0204:2022 |
| 6 | Độ ẩm | % | 35.2 | TCVN 4069:2009 (*) |
| 7 | Đường khử | % | 24.2 | TCVN 4075:2009 (*) |
| 8 | Đường tổng số | % | 56.2 | TCVN 4074:2009 (*) |

1/ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHỈ ĐỐI VỚI MẪU ĐƯỢC THỬ NGHIỆM VÀ CHỈ ĐỐI VỚI MẪU ĐƯỢC THỬ NGHIỆM (ONLY VALID ON TESTED SAMPLE)

2/ Thông tin chi tiết về các yêu cầu thử nghiệm và các chi phí khác được ghi trong phiếu thông tin chi tiết được viết theo yêu cầu của khách hàng. The detailed information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả thử nghiệm bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE.

4/ Mọi chi tiết xin liên hệ CASE để được tư vấn chi tiết. Mọi chi tiết xin liên hệ CASE để được tư vấn chi tiết.

☎ 18001105

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

☎ 0232 3511179

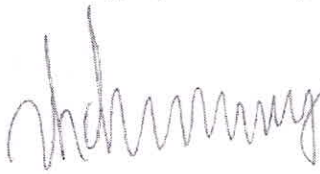
☎ 0232 3511179

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--|-----------------------------|
| 9 | Aflatoxin B1, B2, G1, G2 | µg/kg | Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1 | CASE.SK.0018 (2022) (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Nguyễn Thành Duy

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1) KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ. (THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE)

2) Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. The sample information is written as customer's request.

3) Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE!

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

Địa chỉ: 166 Nguyễn Văn Thủ, Quận Thủ Đức, TP. HCM
☎ 18001105
☎ +84 28 3511 7196
☎ +84 28 3511 7197

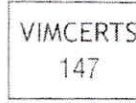
Chi nhánh: 166 Nguyễn Văn Thủ, Quận Thủ Đức, TP. HCM
☎ +84 28 3511 7196
☎ +84 28 3511 7197
✉ info@case.vn
✉ info@case.vn

Chi nhánh: 166 Nguyễn Văn Thủ, Quận Thủ Đức, TP. HCM
☎ +84 28 3511 7196
☎ +84 28 3511 7197
☎ +84 28 3511 7198
✉ info@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32407.15144032 MM32407.151440321 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i> | BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 24/07/2024 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HOÀNG KỶ NAM**
Địa chỉ/ Address : **SỐ 02 BÈ VẠN ĐÀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
Tên mẫu/ Name of sample : **KẸO DÈO RONG BIỂN**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hũ nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **15/07/2024**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **23/07/2024**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--|---|
| 1 | Cd | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*) |
| 2 | Hg | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,01 | CASE.TN.0141 (2018) (Ref. EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*) |
| 3 | Pb | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,2 | CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*) |
| 4 | Tro không tan trong HCl | % | Không phát hiện, MDL = 0,03 | CASE.TN.0096 (2020) (Ref. TCVN 4071:2009) |
| 5 | Cảm quan | . | Trạng thái: dạng viên mềm. Màu sắc: nhiều màu. Mùi: mùi đặc trưng của sản phẩm. Vị: vị chua ngọt. | CASE.NS.0204:2022 |
| 6 | Độ ẩm | % | 35,2 | TCVN 4069:2009 (*) |
| 7 | Đường khử | % | 24,2 | TCVN 4075:2009 (*) |
| 8 | Đường tổng số | % | 56,2 | TCVN 4074:2009 (*) |

THÔNG TIN NÀY CHỈ GIẢM THỬ NGHIỆM. THE RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. The sample information is written as customer's request.

Không được sao chép toàn bộ hoặc bất kỳ phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE.

No fully or partial of this result may be reproduced or copy form without prior permission in writing from CASE.

CASE
 Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP. Hồ Chí Minh
 18000105
 028 2581 2465
 028 2581 2465
 028 2581 2465

CASE
 Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP. Hồ Chí Minh
 18000105
 028 2581 2465
 028 2581 2465
 028 2581 2465

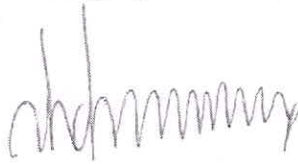
CASE
 Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP. Hồ Chí Minh
 18000105
 028 2581 2465
 028 2581 2465
 028 2581 2465

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--|-----------------------------|
| 9 | Aflatoxin B1, B2, G1, G2 | µg/kg | Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1 | CASE.SK.0018 (2022) (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Nguyễn Thành Duy

TU. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRUNG TÂM

91 Đường Nguyễn Văn Thiệu, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

☎ 18001105

☎ 083 258 248 249

☎ case@mm3.com.vn

TRUNG TÂM

91 Đường Nguyễn Văn Thiệu, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

☎ 083 258 248 249

☎ case@mm3.com.vn

☎ case@mm3.com.vn

☎ case@mm3.com.vn

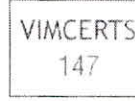
TRUNG TÂM

91 Đường Nguyễn Văn Thiệu, Phường 10, Quận 10, TP. HCM

☎ 083 258 248 249

☎ 083 258 248 249

☎ case@mm3.com.vn



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32407.15144032 MM32407.151440321 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i> | BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 24/07/2024 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HOÀNG KỶ NAM**
 Địa chỉ/ Address : **SỐ 02 BÉ VĂN ĐÀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
 Tên mẫu/ Name of sample : **KẸO DẼO RONG BIỂN**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hũ nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **15/07/2024**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **23/07/2024**

| STT/ No | Chi tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|---------------------------------|
| 1 | Bacillus cereus | CFU/g | < 10 | ISO 7932:2004/Amd 1:2020 (*) |
| 2 | Clostridium perfringens | CFU/g | < 10 | ISO 15213-2:2023 (*) |
| 3 | Coliforms | CFU/g | < 10 | ISO 4832:2006 (*) |
| 4 | Escherichia coli | MPN/g | 0 | ISO 16649-3:2015 (*) |
| 5 | Salmonella spp. | /25g | Không phát hiện | TCVN 8342:2010 (*) |
| 6 | Staphylococcus aureus | CFU/g | < 10 | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023 (*) |
| 7 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/g | < 10 | ISO 21527-2:2008 (*) |
| 8 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) | CFU/g | 4.2x10 ² | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
 Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
 According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TU. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG / HEAD OF DIVISION



TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

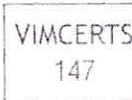
Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE
 2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. The sample information is written as customer's request.
 3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này để làm bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE.
 No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32407.15144032 MM32407.151440321 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i> | BMKD 03/T - LBH 01 Ngày/ Date: 24/07/2024 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH HOÀNG KỶ NAM**
Địa chỉ/ Address : **SỐ 02 BÉ VẤN ĐÀN, PHƯỜNG PHƯỚC LONG, THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**
Tên mẫu/ Name of sample : **KẸO DẼO RONG BIỂN**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong hũ nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **15/07/2024**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **23/07/2024**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|---------------------------------|
| 1 | Bacillus cereus | CFU/g | < 10 | ISO 7932:2004/Amd 1:2020 (*) |
| 2 | Clostridium perfringens | CFU/g | < 10 | ISO 15213-2:2023 (*) |
| 3 | Coliforms | CFU/g | < 10 | ISO 4832:2006 (*) |
| 4 | Escherichia coli | MPN/g | 0 | ISO 16649-3:2015 (*) |
| 5 | Salmonella spp. | /25g | Không phát hiện | TCVN 8342:2010 (*) |
| 6 | Staphylococcus aureus | CFU/g | < 10 | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023 (*) |
| 7 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/g | < 10 | ISO 21527-2:2008 (*) |
| 8 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) | CFU/g | 4.2x10 ² | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TU. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG / HEAD OF DIVISION



TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

Đoàn Thị Bội Hạnh

* KẾT QUẢ VÀ THÔNG TIN THỬ NGHIỆM CHỈ HIỆU LỰC VÀ CHỈ CHỨNG HỮU HIỆU TRÊN MẪU ĐƯỢC THỬ.

* The test results and test information are only valid and effective on the tested sample.

* Thông tin và mã số thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng. Thông tin mẫu được ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

* Kết quả và thông tin thử nghiệm chỉ có hiệu lực khi ghi rõ chi tiết yêu cầu của khách hàng.

* The test results and test information are only valid and effective when clearly stating the test requirements of the customer.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Số:

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên trong hợp đồng;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại Hà Nội chúng tôi gồm có:

Bên đặt gia công (sau đây gọi tắt là bên A):

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG KỲ NAM**

Địa chỉ trụ sở: 02 Bế Văn Đàn, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Mã số doanh nghiệp: 4201874277

Người đại diện theo pháp luật là ông: Phan Duy Nguyễn

Chức vụ: Giám đốc

Bên nhận gia công (sau đây gọi tắt là bên B):

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TAN DƯƠNG PHÁT**

Địa chỉ trụ sở: số nhà 12 Ngõ 56 Đường Thống Nhất, thôn Thống Nhất, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0110021595

Người đại diện theo pháp luật là ông/ bà: **NGUYỄN KIẾN NHIỆM**

Chức danh: Giám đốc

Điện thoại: 0968581183

Hai bên thoả thuận và đồng ý ký kết hợp đồng gia công với các điều khoản như sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A thuê bên B gia công:

- Tên sản phẩm: Kẹo dẻo rong biển
- Số lượng: Tùy theo từng đợt đặt hàng
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Hương vị, Hình dạng, Khối lượng, bao bì sẽ được thỏa thuận chi tiết theo từng thời kỳ.

Điều 2. Nguyên vật liệu

1. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B các nguyên vật liệu sau:

Tên nguyên vật liệu: Rong biển, bột dẻo.

Hương vị: Rong biển

2. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A các nguyên vật liệu sau:

- Cơ sở vật chất để gia công kẹo dẻo

- Thành phẩm kẹo dẻo

Điều 3. Đơn giá gia công, phương thức thanh toán

Đơn giá gia công là: Theo khối lượng sản phẩm trong từng đợt đặt hàng.

Tổng số tiền: Theo Chi tiết đặt hàng kèm theo.

Phương thức thanh toán:

- Đặt cọc 50% giá trị mỗi hợp đồng nhập hàng theo từng phụ lục hợp đồng.
- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận hàng, thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện kể từ ngày 01/05/2025 đến hết ngày 31/12/2025

Bên B phải giao sản phẩm và bên A phải nhận sản phẩm theo đúng thời hạn và tại địa điểm đã thỏa thuận tại hợp đồng này.

Trường hợp bên B chậm giao sản phẩm thì bên A có thể gia hạn; nếu hết thời hạn đó mà bên B vẫn chưa hoàn thành công việc thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.



Trường hợp bên A chậm nhận sản phẩm thì bên B có thể gửi sản phẩm đó tại nơi nhận gửi giữ và phải báo ngay cho bên A. Nghĩa vụ giao sản phẩm hoàn thành khi đáp ứng được các điều kiện đã thỏa thuận tại hợp đồng này và bên A đã được thông báo. Bên A phải chịu mọi chi phí phát sinh từ việc gửi giữ.

Bên A hoặc bên B đều có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng gia công, nếu việc tiếp tục thực hiện hợp đồng không mang lại lợi ích cho mình, nhưng phải báo cho bên kia biết trước một thời gian (hợp lý) là 30 ngày.

Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải trả tiền công tương ứng với công việc đã làm. Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì không được trả tiền công.

Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ của bên A

1. Quyền của Bên A:

- a. Nhận sản phẩm gia công theo đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận tại hợp đồng này.
- b. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại khi bên B vi phạm nghiêm trọng hợp đồng này.
- c. Trường hợp sản phẩm không bảo đảm chất lượng mà bên A đồng ý nhận sản phẩm và yêu cầu sửa chữa nhưng bên B không thể sửa chữa được trong thời hạn thỏa thuận thì bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Nghĩa vụ của bên A:

- a. Cung cấp nguyên vật liệu theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận cho bên B; cung cấp giấy tờ cần thiết liên quan đến việc gia công.
- b. Chỉ dẫn cho bên B thực hiện hợp đồng này.
- c. Trả tiền công theo đúng thỏa thuận.

Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của bên B

1. Quyền của bên B:

- a. Yêu cầu bên A giao nguyên vật liệu đúng chất lượng, số lượng, thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận tại hợp đồng này.

8742
JG T
PHẨM
KỶ N
- T. KH

thỏa thuận được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Các thoả thuận khác

1. Bên A và bên B đồng ý đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.
2. Bên A và bên B đồng ý thực hiện theo đúng các điều khoản trong hợp đồng này và không nêu thêm điều kiện gì khác.
3. Hợp đồng này được lập thành 4 bản, có giá trị pháp lý như nhau và được giao cho bên A 02 bản, bên B 02 bản để thực hiện./.

BÊN B



(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kiến Nhiệm

BÊN A



(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Phan Duy Nguyễn



1954





KẸO DẸO RONG BIỂN

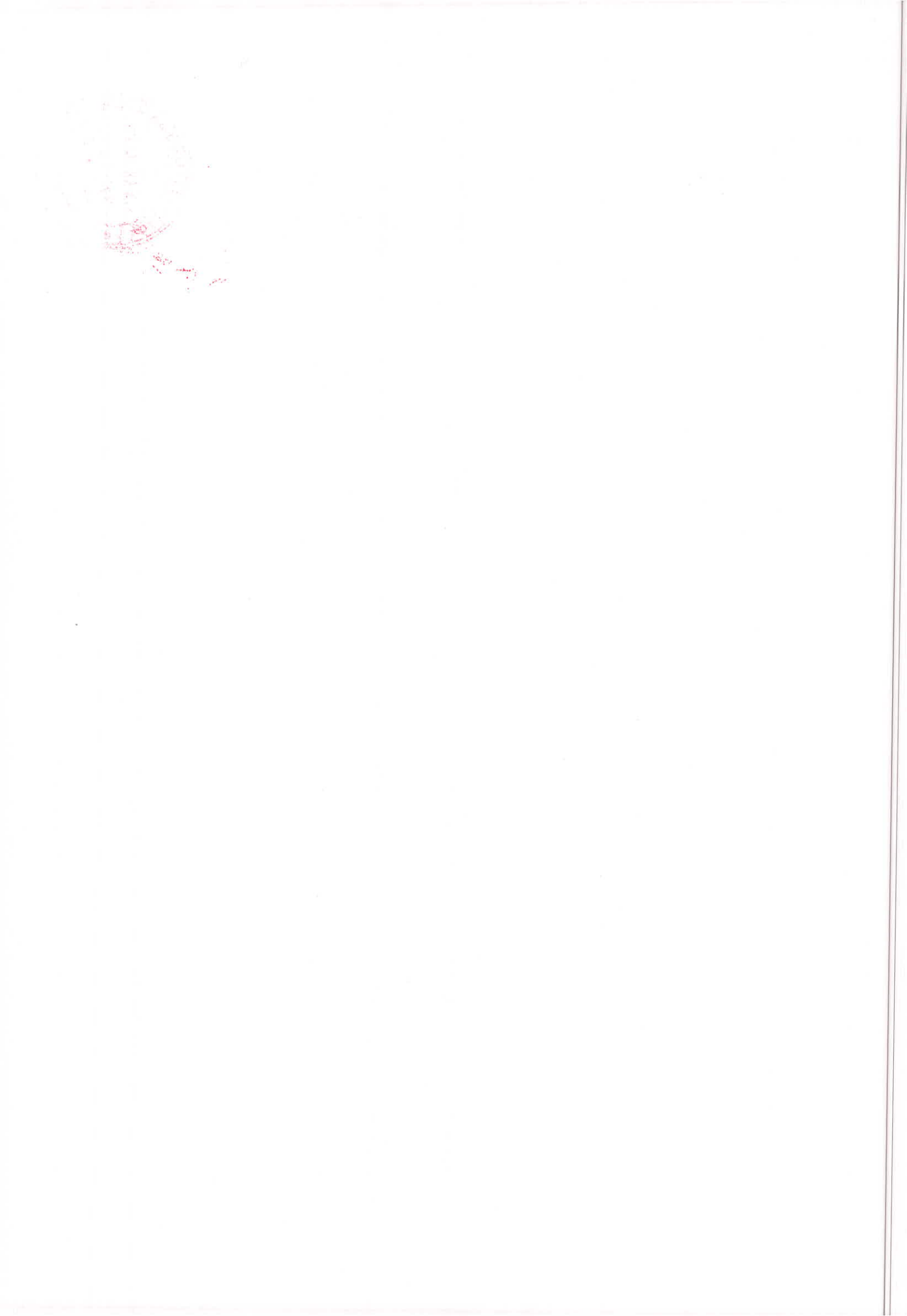
Thành phần: Rong biển, đường, Gelatin, Màu thực phẩm, Malt Benzoin (E211)
 Hương dẫn sử dụng: An thần.
 Hương dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô thoáng.

Giá trị dinh dưỡng

| | |
|-----------------------------|----------------|
| Kiểu phân | 25g |
| Số khẩu phần trong sản phẩm | 1 |
| Năng lượng | 91 calo |
| * Giá trị hàng ngày* | |
| Protein | 1.4g 3% |
| Carbohydrate tổng số | 21.4g 8% |
| Đường | 19.5g 9% |
| Malt | 5.6mg 2.3% |
| Vitamin C | 0.8% |
| Vitamin E | 0.6% |
| Canxi | 38.2mg 3% |
| Kali | 25.0mg 5.2% |
| Magie | 9% |
| Chất béo | 50% |



Nhà sản xuất:
 Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Tân Dương Phúc Địa chỉ: số nhà 12, ngõ 56, đường Thống
 Nhất, Thôn Thống Nhất, Xã Đông Xuân, Huyện Hải Đức, Thành Phố Hà Nội.
 Công ty chịu trách nhiệm:
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG KỶ NAM
 Địa chỉ: 02 Bê Văn Đàn, Phường Phước Long, Nhà Trang, Khánh Hòa





KÉO ĐÉO RONG BIỂN

Thành phần: Rong biển, đường, Gelatin, Màu thực phẩm, Natri Benzoat (E211)
 Hướng dẫn sử dụng: Ăn liền.
 Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô thoáng.

Giá trị dinh dưỡng

| | |
|-----------------------------|----------------|
| Kiểu phân | 25g |
| Số khẩu phần trong sản phẩm | 1 |
| Năng lượng | 91 calo |

| | 1 kg | % Giá trị hàng ngày* |
|----------------------|--------|----------------------|
| Protein | 1,4g | 2% |
| Carbohydrate tổng số | 21,4g | 8% |
| Đường | 19,5g | 99% |
| Muối | 5,6mg | 2,3% |
| Vitamin C | 0,8% | 0,8% |
| Vitamin E | 3,83mg | 3% |
| Chất béo | 25,0mg | 5,3% |
| Chất xơ | 0,9% | 99% |
| Chất béo bão hòa | 0,9% | 99% |



 9 93862 07428



Nhà sản xuất:
 Công Ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ, Tân Dương Phúc, Địa chỉ số nhà 12, ngõ 56, đường Thống
 Nhất, Quận Thống Nhất, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành Phố Hà Nội.
 Công ty chịu trách nhiệm:
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG KỲ NAM
 Địa chỉ: 02 Bê Văn Đàn, Phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4201874277

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 12 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 16 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG KỶ NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

02 Bế Văn Đàn, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0935 628 608

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Đã chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN DUY NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056088005882

Ngày cấp: 20/09/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về
Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: KTT Công ty Vật tư - Tổng Hợp, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 110 Trịnh Phong, Phường Tân Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



Kiều Lâm

